

Số: 98/NQ-HĐKĐCLGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu trình độ đại học
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Quyết định số 5570/QĐ-BGDĐT ngày 22/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Trung tâm);

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-TTKĐ ngày 01/3/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Hội đồng);

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-TTKĐ ngày 05/3/2024 của Giám đốc Trung tâm về việc thành lập Hội đồng;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-TTKĐ ngày 03/11/2025 của Giám đốc Trung tâm về việc bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng theo Quyết định số 16/QĐ-TTKĐ ngày 05/3/2024 của Giám đốc Trung tâm;

Căn cứ báo cáo kết quả tự đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá ngoài chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu trình độ đại học, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ngày 23/11/2025;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín tại kỳ họp thứ 60, phiên họp 60.2 của Hội đồng về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu trình độ đại học, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ngày 23/11/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Đoàn đánh giá ngoài chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu trình độ đại học, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện công tác đánh giá chất lượng theo đúng quy định, quy trình; bảo đảm tính độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục như sau: Số tiêu chí “đạt yêu cầu” là 50 trên tổng số 50 tiêu chí (chiếm 100,00%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (Phụ lục I).

Điều 2. Khuyến nghị Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thực hiện các giải pháp bảo đảm và cải tiến chất lượng giáo dục chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu trình độ đại học cho giai đoạn 5 năm tiếp theo dựa trên các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và các khuyến nghị ở Phụ lục II.

Điều 3. Đối chiếu với Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện công nhận đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng thống nhất công nhận chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu trình độ đại học, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo và đề nghị Giám đốc Trung tâm cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng đối với chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu trình độ đại học, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. *Nh*

Nơi nhận:

- Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội;
- Giám đốc TTKĐCLGD;
- HĐKĐCLGD (09);
- Văn phòng (công khai cổng thông tin);
- Phòng ĐGCLGD;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Quỳnh Lam

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT KHUÔN MẪU TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 98/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24 tháng 11 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Điểm theo tiêu chuẩn			
	Điểm theo tiêu chí	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1	4	4,00	3	100,00
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1	4	4,00	3	100,00
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	4	4,00	3	100,00
Tiêu chí 3.2	4			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100,00
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1	4	4,40	5	100,00
Tiêu chí 5.2	5			
Tiêu chí 5.3	4			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	5			
Tiêu chuẩn 6				
Tiêu chí 6.1	4	4,29	7	100,00
Tiêu chí 6.2	5			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	5			
Tiêu chí 6.7	4			
Tiêu chuẩn 7		4,20	5	100,00

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Điểm theo tiêu chuẩn			
	Điểm theo tiêu chí	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100,00
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	5			
Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 8.1	4	4,00	5	100,00
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 9.1	5	4,60	5	100,00
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	5			
Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 10.1	4	4,33	6	100,00
Tiêu chí 10.2	5			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	5			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 11.1	4	4,40	5	100,00
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	5			
Tiêu chí 11.5	5			
Đánh giá chung		4,24	50	100,00

H2

Phụ lục II

KHUYẾN NGHỊ CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT KHUÔN MẪU TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

*(Kèm theo Nghị quyết số 98/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24 tháng 11 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu trình độ đại học tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội được thực hiện bởi Hội đồng tự đánh giá thành lập theo Quyết định số 1066/QĐ-ĐHCN ngày 01/8/2024.

Đoàn đánh giá ngoài chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu trình độ đại học, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 182/QĐ-TTKĐ ngày 22/9/2025.

Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát sơ bộ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội vào ngày 25/9/2025 và khảo sát chính thức từ ngày 06-09/10/2025.

Trong giai đoạn đánh giá, chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu trình độ đại học có những điểm mạnh nổi bật sau:

- **Về thiết kế chương trình đào tạo và triển khai hoạt động dạy – học:** Mục tiêu chương trình đào tạo được phát biểu rõ ràng, gồm 1 mục tiêu chung và 6 mục tiêu cụ thể, được rà soát vào năm 2025. Chuẩn đầu ra được xây dựng theo định hướng CDIO gồm 12 chuẩn đầu ra được ban hành chính thức từ năm 2020, cập nhật còn 7 chuẩn đầu ra vào năm 2025; được phát biểu rõ ràng, thể hiện rõ kiến thức, kỹ năng, thái độ/đạo đức nghề nghiệp, năng lực giải quyết vấn đề kỹ thuật. Bản mô tả chương trình đào tạo có đầy đủ các thông tin theo quy định; được rà soát, điều chỉnh ban hành chính thức bằng văn bản. Thông tin trong bản mô tả chương trình đào tạo cô đọng, phù hợp cho các bên liên quan bên ngoài như người học tiềm năng và nhà tuyển dụng. Các đề cương học phần có đầy đủ thông tin cần thiết để giảng viên, người học triển khai dạy và học. Bản mô tả chương trình đào tạo được công bố công khai thông qua trang thông tin điện tử, hệ thống đại học điện tử, sổ tay sinh viên. Chương trình dạy học được thiết kế gắn kết với các chuẩn đầu ra đã công bố; triển khai đồng bộ 15 phương pháp dạy học và 14 phương pháp kiểm tra đánh giá, áp dụng linh hoạt theo từng loại học phần. Các học phần đều có mục tiêu, chuẩn đầu ra rõ ràng, gắn kết với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; có ma trận đối sánh giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Chương trình dạy học được thiết kế có cấu trúc hợp lý, có sự gắn kết giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành và tốt nghiệp. Trường có ban hành triết lý giáo dục và truyền thông trên trang thông tin điện tử. Hoạt động dạy học

H₂

được xây dựng từ mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, đảm bảo tính hệ thống. Trường có quy trình đánh giá kết quả học tập của người học, quy định cụ thể việc đánh giá cho từng loại hình học phần. Phương pháp kiểm tra đánh giá được giảng viên thông báo từ đầu học kỳ. Các học phần có bảng tiêu chí/rubrics chấm điểm chi tiết. Hệ thống đại học điện tử của Trường có chức năng cảnh báo học tập, gợi ý lựa chọn học phần, lập phương án học tập. Trường có quy định cụ thể, đầy đủ về phúc khảo và khiếu nại kết quả học tập. Quy trình giải quyết khiếu nại rõ ràng, có thời hạn chặt chẽ.

- **Về nguồn lực:** Cơ cấu nhân sự đảm bảo cả về số lượng và chất lượng với tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên đạt 51,92%, đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy các học phần cốt lõi và hướng dẫn nghiên cứu. Tỉ lệ sinh viên/giảng viên đạt mức 6,65:1, thấp hơn nhiều so với quy định (20:1), tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động cố vấn học tập và đào tạo nhóm nhỏ. Hệ thống định mức lao động được quy định rõ ràng, có cơ chế quy đổi giờ nghiên cứu khoa học và được theo dõi, đánh giá trên nền tảng số. Việc đánh giá năng lực dựa trên dữ liệu đa nguồn (dự giờ, kết quả người học, sản phẩm khoa học) đảm bảo sự công bằng trong bố trí đãi ngộ và bồi dưỡng. Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn (OBE, năng lực số, an toàn phòng thí nghiệm) được triển khai thường xuyên. Hệ sinh thái nghiên cứu phát triển tốt với xấp xỉ 200 bài báo (trong đó khoảng 70 bài thuộc danh mục ISI/Scopus). Công tác phân tích, dự báo, quy hoạch nhân viên được thể hiện trong Chiến lược phát triển Trường và trong Đề án vị trí việc làm. Trường có hệ thống văn bản quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, với các tiêu chí cụ thể. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân viên được xây dựng căn cứ kết quả khảo sát nhu cầu nhân viên và định hướng phát triển Trường, được triển khai thực hiện đầy đủ. Bản phân công nhiệm vụ hằng năm cho nhân viên được đăng ký trên hệ thống đại học điện tử và được nhân viên thực hiện nghiêm túc, được lãnh đạo giám sát, đánh giá; kết quả đánh giá được sử dụng xếp loại khen thưởng cuối năm góp phần tạo động lực làm việc và nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên. Chính sách tuyển sinh rõ ràng, công khai và được truyền thông hiệu quả qua nhiều kênh đa dạng. Việc áp dụng nhiều phương thức xét tuyển đã giúp thu hút nguồn thí sinh có năng lực phong phú. Hệ thống đại học điện tử hiện đại cùng đội ngũ cố vấn học tập được phân công cụ thể cho từng lớp đã tạo ra một cơ chế giám sát quá trình học tập của người học một cách có hệ thống. Các hoạt động hỗ trợ ngoại khóa từ học thuật, hướng nghiệp đến văn hóa, thể thao được triển khai đa dạng, diễn ra trong một môi trường cơ sở vật chất được đầu tư tốt, an toàn và có sự quan tâm bước đầu đến sức khỏe tinh thần của người học. Trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng phù hợp và các không gian nghiên cứu, trao đổi học thuật mở với đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thư viện hiện đại, có đầy đủ học liệu, có phần mềm quản lý và thư viện số

giúp liên kết với các thư viện khác tạo nguồn tài nguyên phong phú, cơ sở dữ liệu điện tử phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường có các phòng thí nghiệm, phòng thực hành với trang thiết bị, máy tính và phần mềm chuyên dụng phù hợp; được quản lý tốt; được duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp thường xuyên để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu khoa học. Việc triển khai hệ thống đại học điện tử giúp tổ chức, quản lý, giám sát hiệu quả các hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá và các hoạt động khác của Trường. Trường có thực hiện các quy định về môi trường, sức khỏe, phòng cháy-chữa cháy, an ninh và an toàn trong trường có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Trường có định kỳ triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, môi trường, sức khỏe và an toàn để cải tiến; các bên liên quan đều hài lòng về cơ sở vật chất, môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường.

- **Về nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra:** Trường có thực hiện khảo sát và sử dụng ý kiến của các bên liên quan khi điều chỉnh chương trình dạy học. Thủ tục, quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học được cập nhật, điều chỉnh. Việc rà soát và đánh giá quá trình dạy - học, kiểm tra đánh giá được triển khai một cách hệ thống. Trường có sản phẩm nghiên cứu khoa học ứng dụng vào việc dạy và học. Quá trình khảo sát trực tuyến giúp tổng hợp, lưu trữ kết quả dễ dàng và giúp cải tiến kịp thời. Chiến lược phát triển của Trường xác lập rõ các chỉ số về kết quả đầu ra của người học toàn Trường; dữ liệu người học được quản lý trên hệ thống đại học điện tử, các bên liên quan có thể truy cập thuận tiện. Trường có triển khai các biện pháp nhằm cải thiện tỉ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn, hỗ trợ người học tốt nghiệp có việc làm. Trung bình mỗi năm học, sinh viên tham gia 12 đề tài nghiên cứu khoa học; 1-2 bài báo khoa học với giảng viên; đạt 1-2 giải thưởng quốc tế, tổng số đạt ở mức cao so với chỉ số chung của Trường. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng được sử dụng làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến được triển khai và giám sát thực hiện chặt chẽ trên hệ thống đại học điện tử của Trường.

Bên cạnh những mặt mạnh, Hội đồng khuyến nghị Trường, Khoa cải thiện chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu trình độ đại học như sau:

1. Bổ sung nội dung về kỹ năng số, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong chuẩn đầu ra để phù hợp bối cảnh mới. Thực hiện khảo sát định kỳ với doanh nghiệp và cựu người học để đối sánh chuẩn đầu ra với yêu cầu thực tiễn. Đảm bảo công bố công khai chuẩn đầu ra ngay sau mỗi lần rà soát, điều chỉnh; mở rộng kênh công bố.

2. Thực hiện định kỳ rà soát và cập nhật danh mục tài liệu tham khảo, bổ sung tài liệu quốc tế mới. Khuyến khích giảng viên tích hợp nguồn tài nguyên học liệu mở và

học liệu số trong đề cương học phần để tăng tính hiện đại. Công bố bản mô tả chương trình đào tạo trên các cổng thông tin tuyển sinh hay bản giới thiệu tới doanh nghiệp.

3. Đánh giá mức độ phù hợp của tổ hợp phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá với từng chuẩn đầu ra. Xây dựng công cụ để lượng hóa và xác định tỉ lệ phần trăm mức độ đóng góp của mỗi học phần cho từng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Xây dựng bộ rubrics đánh giá sự phù hợp phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra ở từng học phần. Mở rộng khảo sát, công bố cải tiến chương trình dạy học qua phản hồi đến các bên liên quan ngoài Trường. Thực hiện đối sánh với các chương trình đào tạo quốc tế trong lĩnh vực khuôn mẫu, chế tạo, cơ khí chính xác.

4. Tổ chức khảo sát định kỳ để đo lường mức độ hiểu, vận dụng triết lý giáo dục của giảng viên, người học. Đẩy mạnh áp dụng phương pháp dạy học số hóa/đa phương tiện. Thực hiện phân tích mối quan hệ giữa phương pháp dạy học và mức độ đạt chuẩn đầu ra. Tăng cường các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giảng viên về phương pháp dạy học hiện đại, thiết kế và triển khai hoạt động dạy và học theo chuẩn đầu ra; đảm bảo tất cả giảng viên đều tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Đa dạng hóa hình thức tự học. Khuyến khích người học tham gia chương trình trao đổi học thuật, câu lạc bộ nghiên cứu để tăng trải nghiệm học tập suốt đời.

5. Rà soát và cập nhật hệ thống văn bản, xây dựng cẩm nang/quy trình chuẩn hóa thống nhất về đánh giá kết quả học tập cho toàn Trường. Bổ sung cơ chế kiểm soát chất lượng ở từng khâu. Xây dựng bộ rubrics đánh giá thống nhất cho từng loại hình học phần. Tổ chức tập huấn định kỳ cho giảng viên về xây dựng bộ công cụ đánh giá theo chuẩn đầu ra. Xây dựng cẩm nang chung về các quy định, quy trình đánh giá kết quả học tập để giảng viên và người học tiện tra cứu. Tăng cường áp dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá hiện đại và nâng cao sự tham gia của người học trong lựa chọn, đề xuất phương pháp kiểm tra đánh giá để tăng tính chủ động, sáng tạo. Triển khai đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần cũng như của chương trình đào tạo. Triển khai sử dụng chức năng learning analytics của phần mềm quản lý đào tạo để đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Nâng cấp hệ thống đại học điện tử để tự động ghi nhận thời gian xử lý từng hồ sơ khiếu nại/phúc tra.

6. Xây dựng lộ trình phân công giảng dạy theo học phần, công bố sớm kèm phương án dự phòng. Đẩy mạnh cơ chế tuyển dụng kiêm nhiệm (co-appointment) với các viện nghiên cứu và doanh nghiệp để bổ sung nhân sự cho các mảng chuyên sâu. Triển khai hệ thống Dashboard tích hợp dữ liệu (HRM-LMS-Phòng thí nghiệm) để giám sát tải giảng dạy và mục tiêu (OKR) theo tuần/tháng. Thực hiện quy đổi giờ chuẩn đầy đủ và công bằng cho các hoạt động đặc thù như: quản lý an toàn phòng thí nghiệm,

cổ vấn học tập, coi thi và chấm thi. Áp dụng hồ sơ năng lực điện tử (e-portfolio) chuẩn hóa. Xây dựng rubric đánh giá năng lực chi tiết phù hợp với từng loại hình giảng dạy (lý thuyết, thực hành/phòng thí nghiệm, đồ án/studio, CAD/CAM/CAE). Quản trị theo kết quả thông qua bộ chỉ số khen thưởng đa chiều (Giảng dạy – Nghiên cứu – Phục vụ cộng đồng), kiểm soát chặt chẽ tiến trình dạy – học. Áp dụng bộ chỉ số KPIs nghiên cứu khoa học theo chất lượng bài công bố (ưu tiên bài báo Q1–Q4, sở hữu trí tuệ, hợp đồng chuyển giao). Thực hiện đối sánh hàng năm với các chương trình tương đồng để cập nhật mục tiêu và tối ưu hóa nguồn lực.

7. Việc dự báo nhu cầu đội ngũ nhân viên nên được phân tích chi tiết hơn về số lượng, năng lực và trình độ; xây dựng bộ tiêu chí cụ thể đánh giá tính hiệu quả của việc áp dụng quy hoạch trong thực tiễn. Báo cáo tự đánh giá của mỗi nhân viên nên có nội dung đánh giá tương ứng với các năng lực được mô tả trong Đề án vị trí việc làm. Xây dựng tiêu chí theo dõi và đánh giá hiệu quả sau đào tạo. Việc đánh giá, xếp loại và bình xét thi đua, khen thưởng theo kết quả công việc cần đảm bảo trên cả ba lĩnh vực: đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, trong đó đặc biệt có tiêu chí cụ thể hơn đối với kết quả phục vụ cộng đồng.

8. Xây dựng quy trình chính thức để phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực và thiết lập hệ thống đánh giá hiệu quả tuyển sinh nhằm làm cơ sở khoa học cho việc điều chỉnh chỉ tiêu và chính sách. Nâng cao hiệu quả công tác cổ vấn học tập và đo lường tác động của các hoạt động hỗ trợ thông qua việc xây dựng các bộ chỉ số đánh giá hiệu quả (KPIs). Thể chế hóa chính sách hỗ trợ người học khuyết tật bằng cách ban hành quy định và cử bộ phận chuyên trách, song song với việc thành lập một Phòng Tham vấn tâm lý sinh viên hoạt động chuyên nghiệp, để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học.

9. Cải thiện các phòng học, phòng thực hành với bàn ghế phù hợp để thuận lợi triển khai hoạt động học tập theo nhóm và các phương pháp dạy học có tương tác. Thư viện và đơn vị chuyên môn cần phối hợp đồng bộ hơn trong việc cập nhật, rà soát và bổ sung học liệu theo từng học phần. Có kế hoạch bổ sung các phần mềm phục vụ các học phần chuyên ngành; thực hiện đồng bộ, có kế hoạch trang bị phù hợp từ nhu cầu của hoạt động đào tạo và nghiên cứu và có giải pháp dùng chung cho các chương trình đào tạo để khai thác hiệu quả nguồn lực. Bố trí kế hoạch học tập phù hợp với khả năng sử dụng của phòng thí nghiệm, phòng thực hành chuyên dụng. Nâng cấp hệ thống wifi, đảm bảo đường truyền ổn định ở tất cả các cơ sở của Trường. Đầu tư mới, cải thiện các tiện ích phục vụ cho người khuyết tật nhằm tăng cơ hội tiếp cận cho người khuyết tật trong đào tạo và nghiên cứu.

10. Đảm bảo tính đại diện của các mẫu khảo sát doanh nghiệp, cựu người học. Xây dựng các nội dung khảo sát về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích về chương

Handwritten signature

trình đào tạo với nhóm đối tượng người học sau đại học để có những nội dung khảo sát phù hợp. Có cơ chế kiểm soát, đối sánh các kết quả khảo sát qua các năm để thấy được xu hướng cải tiến chất lượng của các đơn vị.

11. Thực hiện đối sánh kết quả đầu ra với các chương trình đào tạo khác của Trường, với chương trình đào tạo cùng ngành/ngành gần của các trường đại học khác, để cải tiến chất lượng chương trình đào tạo. Tạo môi trường sử dụng tiếng Anh trong một số hoạt động học tập phù hợp để giúp người học nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Anh. Triển khai hệ thống quản lý học tập để nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giảng dạy, học tập và quản lý đào tạo. Cập nhật số liệu về tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm, được thăng tiến nghề nghiệp, trên hệ thống đại học điện tử của Trường. Định kỳ tổ chức đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp; hỗ trợ người học tốt nghiệp có việc làm, thăng tiến nghề nghiệp. Xây dựng các chỉ số cụ thể về các hoạt động nghiên cứu khoa học đối với người học ngành công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu. Tiến hành rà soát, cập nhật và hợp nhất các quy định, quy trình khảo sát lấy ý kiến về mức độ hài lòng của các bên liên quan.

Hội đồng đề nghị Trường, Khoa duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng đã có, đồng thời thực hiện các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng về việc cải tiến chất lượng. Trong vòng 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, Trường, Khoa cần xây dựng và triển khai kế hoạch hành động cụ thể. Vào giữa chu kỳ kiểm định (hai năm rưỡi sau khi được công nhận đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo), Trường gửi báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cơ quan quản lý và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định./. 